|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  Số: /2021/TT-BNNPTNT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO 02**

**THÔNG TƯ**

**Quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về: Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; Hệ thống dữ liệu xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Gỗ hợp pháp là gỗ, sản phẩm gỗ (sau đây viết tắt là gỗ) được khai thác, nhập khẩu, xử lý tịch thu, vận chuyển, mua bán, chế biến, xuất khẩu phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định liên quan của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viênvà pháp luật có liên quan của quốc gia nơi khai thác gỗ xuất khẩu vào Việt Nam.

2. Doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ là doanh nghiệp thực hiện hoạt động chế biến đồng thời với hoạt động xuất khẩu gỗ hoặc doanh nghiệp thực hiện hoạt động xuất khẩu gỗ.

3. Doanh nghiệp Nhóm I là doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 102/2020/NĐ-CP).

4. Cơ quan tiếp nhận đăng ký và phân loại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Cơ quan tiếp nhận) là Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở địa phương không có cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc nơi có cơ sở chế biến gỗ của doanh nghiệp

5. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Hệ thống thông tin phân loại) là hệ thống tự động để phân loại doanh nghiệp có chức năng tiếp nhận thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp, xử lý và lưu trữ thông tin, công bố kết quả phân loại doanh nghiệp.

6. Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm) là tập hợp dữ liệu về xử lý vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hình sự trong lĩnh vực Lâm nghiệp được xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thông qua phương tiện điện tử.

7. Số hóa tài liệu là việc quét (scan) dữ liệu có sẵn trên giấy nhằm chuyển tài liệu dạng văn bản giấy sang dạng văn bản điện tử.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP**

**Mục 1**

**ĐĂNG KÝ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 4. Tiêu chí phân loại doanh nghiệp**

1. Tiêu chí phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ quy định tại Điều 12 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp mua gỗ của doanh nghiệp Nhóm II để thực hiện xuất khẩu, không qua chế biến thì không đạt tiêu chí doanh nghiệp Nhóm I.

**Điều 5. Đăng ký phân loại doanh nghiệp**

1. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ đăng ký:

a) Cơ quan tiếp nhận nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc nơi có cơ sở chế biến gỗ.

b) Trường hợp doanh nghiệp có nhiều trụ sở, nhiều cơ sở chế biến gỗ ở nhiều địa phương khác nhau thì doanh nghiệp lựa chọn Cơ quan tiếp nhận tại một địa phương để đăng ký.

2. Thực hiện đăng ký:

a) Trường hợp đăng ký trực tiếp: Doanh nghiệp truy cập vào Hệ thống thông tin phân loại tại trang thông tin điện tử www//http:kiemlam.org.vn hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, chọn địa chỉ đăng ký và kê khai các thông tin đăng ký gồm: Tên, mã số thuế, địa chỉ của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đã đăng ký trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: www//http:dangkykinhdoanh.gov.vn.

Hệ thống thông tin phân loại tự động thực hiện cấp tài khoản, doanh nghiệp tạo mật khẩu cho tài khoản của mình.

b) Trường hợp doanh nghiệp không ứng dụng được Hệ thống thông tin phân loại hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia thì gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và tài liệu chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông này tới cơ quan tiếp nhận. Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm nhập thông tin đăng ký vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 6. Nội dung kê khai đăng ký phân loại doanh nghiệp**

1. Sau khi đăng ký, doanh nghiệp thực hiện kê khai trên Hệ thống thông tin phân loại các tiêu chí phân loại doanh nghiệp được quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.

2. Đối với mỗi tiêu chí quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp phải đính kèm vào ô tương ứng trên Hệ thống thông tin phân loại tài liệu được số hóa để chứng minh, cụ thể:

a) Tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp: Đính kèm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp không có vốn đầu tư nước ngoài); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài chiếm 51% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất;

b) Tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường: Đính kèm Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở chế biến gỗ, dăm gỗ từ gỗ rừng tự nhiên có công suất từ 5.000 m3 sản phẩm/năm trở lên; cơ sở sản xuất ván ép có công suất từ 100.000 m2 sản phẩm/năm trở lên; cơ sở sản xuất đồ gỗ có tổng diện tích kho bãi, nhà xưởng từ 10.000 m2 trở lên. Đính kèm kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp khác;

c) Tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về theo dõi nhập, xuất lâm sản: Đính kèm Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản trong thời hạn 05 năm tính đến ngày đăng ký phân loại doanh nghiệp. Trường hợp thời gian thành lập doanh nghiệp chưa đến 05 năm thì đính kèm sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản tính từ ngày thành lập đến ngày đăng ký phân loại doanh nghiệp;

d) Tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy: Đính kèm Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;

đ) Tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về thuế: Đính kèm Danh sách các tổ chức, cá nhân kinh doanh có rủi ro về thuế trong năm đăng ký phân loại trên Hệ thống công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có rủi ro về thuế do Cục Thuế nơi doanh nghiệp đăng ký mã số thuế quản lý;

e) Tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về lao động: Đính kèm Kế hoạch vệ sinh, an toàn lao động; Bảng lương đóng bảo hiểm của doanh nghiệp; Danh sách người lao động trong doanh nghiệp tham gia tổ chức Công đoàn.

3. Trường hợp tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này dài trên 05 trang thì doanh nghiệp trích, đóng dấu, số hóa trang đầu và trang cuối của tài liệu để đính kèm trên Hệ thống thông tin phân loại.

**Mục 2**

**ĐÁNH GIÁ, XÁC MINH THÔNG TIN KÊ KHAI VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 7. Thu thập và đánh giá thông tin**

Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm thu thập và đánh giá thông tin do doanh nghiệp kê khai.

1. Thu thập thông tin:

a) Thu thập thông tin về thời gian thành lập và hoạt động của doanh nghiệp: Thu thập thông tin về tên, thời gian thành lập, mã số thuế của doanh nghiệp từ cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp www//http:dangkykinhdoanh.gov.vn. Thu thập thông tin về kết quả hoạt động chế biến và xuất khẩu gỗ của doanh nghiệp từ các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Thu thập thông tin về việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo đảm gỗ hợp pháp theo quy định của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản: Thu thập thông tin về chấp hành quy định bản đảm nguồn gốc gỗ hợp pháp của doanh nghiệp qua công tác quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại; thông tin về xử lý vi phạm của doanh nghiệp (nếu có) trên Hệ thống cơ sở dữ liệu vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp; thông tin cùng nội dung từ các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Thu thập thông tin về việc tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường: Thu thập thông tin từ cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; thông tin từ hoạt động quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại; thông tin từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Thu thập thông tin về việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy: Thu thập thông tin về thực hiện quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy của doanh nghiệp từ cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy; thông tin cùng nội dung từ hoạt động quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại và thông tin từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật;

đ) Thu thập thông tin về việc tuân thủ quy định của pháp luật về thuế và lao động: Thu thập thông tin từ cơ quan Thuế; thông tin trên Hệ thống công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có rủi ro về thuế danh sách các tổ chức, cá nhân kinh doanh được có rủi ro về thuế do Cục Thuế quản lý; thông tin từ cơ quan Lao động và thương binh xã hội; thông tin từ cơ quan Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế; thông tin từ cơ quan Liên đoàn lao động; thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; thông tin qua công tác quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại; thông tin từ các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

2.Hình thức thu thập thông tin:

Cung cấp, trao đổi trực tiếp, trao đổi bằng văn bản, thư điện tử, điện báo, fax, tài liệu giấy;

3. Đánh giá, phân loại thông tin kê khai của doanh nghiệp:

Cơ quan tiếp nhận số hóa và lưu trữ thông tin thu thập trên Hệ thống thông tin phân loại, Đánh giá tính chính xác và phân loại các thông tin doanh nghiệp kê khai theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

**Điều 8. Xác minh thông tin**

Đối với trường hợp cần phải xác minh thông tin, Cơ quan tiếp nhận thực hiện như sau:

1. Gửi thông báo cho doanh nghiệp những nội dung cần xác minh theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức thực hiện xác minh:

a) Cơ quan tiếp nhận trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan (trong trường hợp cần thiết), thực hiện xác minh và lập Biên bản xác minh theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp xác minh ngoài tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký phân loại: Cơ quan tiếp nhận gửi nội dung cần xác minh đến Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở địa phương nơi không có cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh đề nghị xác minh những nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 9. Phân loại doanh nghiệp**

1. Đối với doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí phân loại: Cơ quan tiếp nhận thực hiện phân loại doanh nghiệp vào danh sách doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại.

2. Đối với doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chí phân loại: Cơ quan tiếp nhận thông báo cho doanh nghiệp đăng ký theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với doanh nghiệp phải xác minh thông tin: Sau khi có kết quả xác minh, Cơ quan tiếp nhận thông báo kết quả cho doanh nghiệp theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 10. Công bố kết quả phân loại doanh nghiệp**

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được phân loại là doanh nghiệp Nhóm I, Cục Kiểm lâm công bố trên trang thông tin điện tử www//http.kiemlam.org.vn và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Điều 11. Chuyển loại doanh nghiệp**

Doanh nghiệp phải chuyển loại từ doanh nghiệp Nhóm I sang doanh nghiệp Nhóm II trong những trường hợp sau:

1. Doanh nghiệp không đáp ứng được tiêu chí là doanh nghiệp Nhóm I khi thực hiện phân loại lần hai và lần kế tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp có vi phạm bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hành chính theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP chưa được xóa án tíchhoặc chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính được lưu giữ trên Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hoặc hồ sơ xử lý vi phạm của doanh nghiệp do Cơ quan tiếp nhận quản lý.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp bị loại bỏ tên trong danh sách doanh nghiệp Nhóm I, Cục Kiểm lâm cập nhật trên trang thông tin điện tử www//http.kiemlam.org.vn và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Trường hợp doanh nghiệp có thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp liên quan đến tiêu chí phân loại thì doanh nghiệp phải thực hiện lại việc đăng ký phân loại doanh nghiệp như thực hiện lần đầu.

**Chương III**

**HỆ THỐNG THÔNG TIN PHÂN LOẠI VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 12. Quy định chung về Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm**

1. Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm được xây dựng, quản lý, cập nhật, tích hợp, xử lý, lưu trữ và cung cấp, chia sẻ theo quy định của pháp luật. Trường hợp hệ thống bị sự cố hoặc lỗi đường truyền, việc cập nhật, tích hợp, xử lý, lưu trữ thông tin trên hệ thống được thực hiện ngay sau khi sự cố, lỗi hệ thống được khắc phục.

2. Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm được xây dựng, kết nối với các hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và các hệ thống thông tin, dữ liệu liên quan.

3. Việc kết nối, chia sẻ thông tin Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm với tổ chức, cá nhân phải tuân thủ các quy định về an ninh hệ thống công nghệ thông tin và quy định về bảo vệ bí mật an toàn thông tin theo quy định pháp luật.

4. Cơ quan Kiểm lâm áp dụng các biện pháp an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

5. Tổng cục Lâm nghiệp quy định cụ thể về quản lý và sử dụng Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm.

**Điều 13. Quản lý Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm**

1. Cục Kiểm lâm:

a) Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, các thiết bị có liên quan và môi trường, bảo đảm cho việc vận hành Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm đúng quy định;

b) Thực hiện các biện pháp quản lý, cập nhật, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo đảm duy trì Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hoạt động liên tục 24 giờ trong tất cả các ngày.

c) Thực hiện định kỳ rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, phát triển hệ thống hạ tầng phần cứng, phần mềm của Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm.

## 2. Cơ quan tiếp nhận:

a) Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, các thiết bị được trang bị, bảo đảm cập nhật, sử dụng Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm đúng quy định;

b) Duy trì, cập nhật, bảo mật thông tin trên Hệ thống thông tin phân loại và Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng cục Lâm nghiệp tổ chức triển khai việc thực hiện Thông tư này trên phạm vi cả nước.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai việc thực hiện Thông tư này trên địa bàn cấp tỉnh; xây dựng quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để tổ chức thực hiện phân loại doanh nghiệp.

3. Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở địa phương không có cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh kiểm tra việc thực hiện phân loại doanh nghiệp theo kế hoạch công tác hằng năm hoặc kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong thực hiện phân loại doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ có trách nhiệm tham gia Hệ thống thông tin phân loại, kê khai đầy đủ thông tin về việc thực hiện tiêu chí phân loại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin kê khai.

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  **-** Văn phòng Chính phủ;  - Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Các đơn vị liên quan thuộc Bộ NN&PTNT;  - Công báo Chính phủ;  - Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;  - Lưu: VP, TCLN (150 bản). | **BỘ TRƯỞNG** |